

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25/9/2020

V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Vũ Thị An

**Các Hội thẩm nhân dân:** 1, Bà Vũ Thị Hương  
2, Bà Nguyễn Thị Trang

***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Bà Dương Thanh Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:*** Ông Vũ Hoàng Thái - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 161/2020/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020 về tranh chấp Hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 27/8/2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1978 (có mặt)

**2. Bị đơn:** Ông Lương Quang N, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Xóm LG, xã QS, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 8/5/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lương Quang N kết hôn năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QS, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xóm LG, xã QS, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do tích cách bất đồng, quan điểm sống không phù hợp, ông N không chịu vun vén làm ăn. Vợ chồng bà đã ly thân nhau từ năm 2010 đến nay là 10 năm. Bản thân ông N cũng từng chủ động viết đơn xin ly hôn nhưng sau đó do ông N đi làm xa thường xuyên, không về được nên có bảo bà tự làm đơn, ông N sẽ nhất trí. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Lương Ngọc A, sinh ngày 26/01/2001 và Lương Quang V, sinh ngày 19/10/2006. Hiện 02 con chung đang ở với mẹ. Con lớn là Lương Ngọc A đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa

án giải quyết về việc nuôi con lớn. Con nhỏ là Lương Quang V muốn ở với bố hay mẹ do con tự quyết định, bà tôn trọng quyền lựa chọn của con. Tại phiên tòa, bà có nguyện vọng được nuôi con là cháu Lương Quang V, bà không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con, bà và ông N tự thỏa thuận với nhau về việc này.

Về tài sản chung: Bà xác định vợ chồng có một ngôi nhà xây trên đất của bố mẹ để bà cho nhưng chưa sang tên. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn ông Lương Quang N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai. Tại các Biên bản xác minh của Tòa án tại gia đình ông N, chị Lương Ngọc A (sinh năm 2001) - con đẻ của ông N và bà L, hiện đang sống cùng nhà với ông N và bà L cho biết: Chị là con đẻ của ông N, bà L và sinh sống cùng một nhà với bố mẹ. Trong thời gian bố mẹ chung sống, từ khi bắt đầu chị lớn lên cho đến nay chị thấy bố mẹ thường xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau nguyên nhân chính do bất đồng quan điểm sống, tích cách không hợp nhau. Vì vậy bố chị đã đi làm xa nhà từ nhiều năm nay, chị không biết địa chỉ cụ thể bố chị làm việc ở đâu chỉ biết là làm trong miền Nam. Bố mẹ hầu như trong tình trạng ly thân đã nhiều năm nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị được biết bố chị đã từng chủ động viết đơn xin ly hôn nhưng do bận công việc nên không đến Tòa án giải quyết được, vì vậy gần đây mẹ chị đã gửi đơn ly hôn lên Tòa án và cũng có nói chuyện với bố, hai người đã thống nhất ly hôn, không ai muốn níu kéo cuộc hôn nhân này nữa. Bố mẹ chị sinh được 2 người con là chị và em trai Lương Quang V. Từ khi bố đi làm xa đến nay hai chị em vẫn ở với mẹ, bố vẫn thường xuyên gọi điện về động viên các con. Bố chị đã biết việc Tòa án thụ lý vụ án và triệu tập ông đến Tòa, đã nhận được đầy đủ thông báo và giấy triệu tập của Tòa án nhưng do điều kiện đi làm xa nên bố chị không về được, ông đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn theo quy định của pháp luật. Về việc nuôi con, chị chỉ thấy bố nói chuyện với các con là tùy nguyện vọng của hai chị em muốn ở với ai thì bố tôn trọng ý kiến của các con. Còn về tài sản chung của bố mẹ chị không thấy bố nói chuyện gì.

Tại biên bản làm việc của Tòa án ngày 13/8/2020, cháu Lương Quang V xác định cháu đang ở với mẹ, cuộc sống của cháu hoàn toàn ổn định, không bị thiếu thốn gì. Nguyện vọng của cháu là muốn được ở với mẹ vì bố cháu đi làm xa, cháu ở với mẹ thì mẹ chăm sóc cháu được nhiều hơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều: 21, 28, 39, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều: 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, cho bà L được ly hôn ông N.

Về con chung: Con lớn Lương Ngọc A đã trưởng thành, không giải quyết. Giao con nhỏ Lương Quang V cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông N vì bà L không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

Về án phí: Bà L phải nộp án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

#### **[1] Về tố tụng:**

Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án này, bị đơn thường trú tại xóm LG, xã QS, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lương Quang N đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng ông N vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tòa án cũng đã hai lần tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập phiên tòa cho bị đơn nhưng tại phiên tòa lần thứ hai, ông N vẫn vắng mặt nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Lương Quang N.

#### **[2] Về nội dung:**

Bà Nguyễn Thị L và ông Lương Quang N kết hôn năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QS, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện nên là cuộc hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về tình trạng hôn nhân, căn cứ lời khai của nguyên đơn và nội dung biên bản xác minh của Tòa án, có cơ sở xác định: Sau khi kết hôn, vợ chồng ông N, bà L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vì lý do tích cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2010 đến nay. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014:

*“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.*

*2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.*

Trong trường hợp này, bà L và ông N thực tế đã không còn thương yêu, quan tâm, chung sống với nhau nữa. Mặt khác, ông N đã biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn của vợ chồng mình nhưng ông không có ý kiến gì thể hiện mong muốn níu kéo cuộc hôn nhân. Thậm chí, bản thân ông đã từng chủ động viết đơn xin ly hôn. Điều đó cho thấy, tình trạng hôn nhân của

bà L và ông N đã trở nên mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm và không thể chung sống được với nhau nữa, vi phạm quy định về tình nghĩa vợ chồng theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Nếu tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L, cho bà L được ly hôn với ông N là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

+ Về con chung: Bà L và ông N có 02 con chung Lương Ngọc A, sinh ngày 26/01/2001; Lương Quang V, sinh ngày 19/10/2006. Hiện 02 con chung đang ở với mẹ. Con lớn Lương Ngọc A đã trưởng thành, không bị mất năng lực hành vi dân sự, không bị mất khả năng lao động nên Tòa án không xem xét giải quyết về việc nuôi con lớn là Lương Ngọc A. Về việc nuôi con nhỏ là cháu Lương Quang V, bà L có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con với lý do bà và ông N sẽ tự thỏa thuận. Căn cứ lời khai của bà L, lời trình bày nguyện vọng của cháu V, có căn cứ giao con chung Lương Quang V cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Ông N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông N vì bà L không yêu cầu.

Vì lợi ích của con, sau khi ly hôn, các đương sự có quyền thỏa thuận hoặc có quyền khởi kiện về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc về việc cấp dưỡng nuôi con nếu thấy cần thiết.

+ Về tài sản chung: Bà L xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Bà L xác định không có, không có yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông N vắng mặt, không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

[3] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ nhà nước.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tố tụng và nội dung giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị L đối với ông Lương Quang N.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Lương Quang N

**2. Về con chung:** Bà L và ông N có 02 con chung là Lương Ngọc A, sinh ngày 26/01/2001 và Lương Quang V, sinh ngày 19/10/2006. Con lớn Lương Ngọc A đã trưởng thành. Giao con thứ hai là Lương Quang V cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho ông N. Ông N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

**3. Về tài sản chung, nợ chung:** Không giải quyết.

**4. Án phí:** Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016731 ngày 11/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Bà L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã QS;
- Lưu: HS VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

**ĐÃ KÝ**

**Vũ Thị An**

